

Bản án số: 78/2024/DS-ST.

Ngày: 28-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
gia công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh

- Các Hội thẩm nhân dân

Ông Võ Văn Thỏ

Ông Trương Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLST – DS ngày 05/02/2024 về tranh chấp hợp đồng gia công. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2024/QĐXXST – DS ngày 30/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Trần Văn S**, sinh năm 1977 (Có mặt).

- Bị đơn: Bà **Đào Thị X** (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **Khóm B, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông **Trần Văn S** trình bày như sau:

Nguyên vào tháng 02/2022 bà **Đào Thị X** có đến thuê tôi xây nhà cho bà **X** chúng tôi thỏa thuận tôi sẽ xây nhà cho bà **X** theo yêu cầu của bà **X** với diện tích căn nhà là 128m²; cột bê tông cốt thép, nền lát gạch, trần lợp tôn và tiền công tôi nhận được sau khi xây dựng nhà xong thì sẽ được 70.000.000 đồng việc thỏa thuận chỉ nói bằng miệng. Sau đó tôi đã xây dựng nhà cho bà **X** trong vòng một tháng thì hoàn thành và tôi đã bàn giao căn nhà cho bà **X** vào ngày bàn giao bà **X** đã đồng ý nhận nhà và bà đã trả cho tôi được 48.000.000 đồng còn nợ lại tôi 22.000.000 đồng thì bà **X** hứa với tôi một tháng sau sẽ trả cho tôi. Tuy nhiên đến hẹn tôi có đến đòi thì bà **X** không đồng ý trả cho tôi nữa sao đó tôi có làm đơn gửi đến ban nhân dân khóm 2 thì **ban N** có tổ chức hòa giải cho chúng tôi tại phiên hòa giải và **X** cũng thừa nhận còn nợ tiền tôi nhưng lại không đồng ý trả.

Nay tôi yêu cầu buộc bà **Đào Thị X** có trách nhiệm trả cho tôi số tiền cất nhà còn nợ là 22.000.000 đồng.

- Theo ý kiến trình bày của bà **Đào Thị X** tại biên bản lấy khai ngày ngày 09/4/2024 và ngày 25/7/2024 như sau:

Tôi có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và biết được toàn bộ nội dung vụ án mà ông **S** khởi kiện tôi nhưng do tôi bận nhiều công việc nên không tham dự khi Tòa án mời

Trước đây địa phương có mời tôi giải quyết nhưng tôi không có ký tên vào biên bản lý do ông **S** khởi kiện ra áp chứ tôi không khởi kiện nên tôi không ký tên. Nay ông **S** yêu cầu tôi trả cho ông **S** số tiền 22.000.000 đồng thì tôi cũng đồng ý trả cho ông **S** 22.000.000 đồng nhưng với điều kiện là ông **S** phải sửa chữa lại nhà cho tôi thì tôi sẽ trả tiền cho ông **S**. Theo ông **S** cho rằng ông **S** có kêu tôi mua vật tư về cho ông **S** sửa nhà nhưng tôi không chịu mua còn tiền thiếu cũng không chịu trả cho ông **S** là đúng, do thời gian đó tôi không có tiền nên chưa mua vật tư để cho ông **S** sửa chữa lại nhà đến nay thì tôi cũng không có tiền để mua vật tư nên chưa kêu ông **S** sửa khi nào có tiền tôi sẽ mua vật tư cho ông **S** sửa nhà đồng thời sửa xong nhà tôi sẽ trả số tiền 22.000.000 đồng cho ông **S**. Những việc tôi yêu cầu ông **S** sửa nhà cho tôi bao gồm: Tô lại các cây cột chưa tô cho tôi, trám lại những chỗ tường bị nứt, tô lại tường mé ngoài chưa tô cho tôi, đi lại đường thoát nước, xây lại sân bị nứt, lợp lại mái tô để không bị tạt nước vô nhà.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đã phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà **X** trả số tiền 22.000.000 đồng tiền cất nhà còn thiếu, phía bà **X** từ khi thụ lý đến nay bà **X** vắng mặt không có ý kiến tham gia phiên tòa. Tuy nhiên tại các biên bản lấy khai ngày bà **X** thừa nhận còn thiếu ông **S** 22.000.000 đồng nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Thấy rằng, từ khi phía ông **S** cất nhà cho bà **X** xong thì bà **X** còn nợ lại ông **S** số tiền 22.000.000 đồng không trả nên việc ông **S** yêu cầu bà **X** trả số tiền trên là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà **Đào Thị X** có trách nhiệm trả cho ông **Trần Văn S** số tiền 22.000.000 đồng.

Đối với ý kiến của bà **X** cho rằng bà chưa trả tiền cho ông **S** là do ông **S** chưa sửa chữa lại nhà cho bà nhưng bà không có yêu cầu phản tố cho nên khi nào bà có yêu cầu sửa chữa lại nhà thì bà và ông **S** thỏa thuận. Nếu trường hợp không thỏa thuận được việc sửa chữa lại nhà, có phát sinh tranh chấp thì tách thành vụ án khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

- Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng thuê mướn. Tuy nhiên, theo nội dung vụ án cũng như yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa, cho nên căn cứ theo quy định tại Điều 542, 544 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong trường hợp này là tranh chấp hợp đồng gia công.

- Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà X

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S cho rằng vào khoảng tháng 02/2022 bà X có thuê ông xây nhà cho bà X theo yêu cầu của bà X tiền công là 70.000.000 đồng. Sau khi xây nhà và bàn giao nhà cho bà X xong thì bà X trả cho ông được 48.000.000 đồng, còn lại 22.000.000 đồng bà X không chịu trả nên không có gởi đơn yêu cầu áp hòa giải nhưng không thành nên ông khởi kiện ra Tòa để yêu cầu bà X trả cho ông số tiền 22.000.000 đồng còn thiếu. Bị đơn bà X vắng mặt tuy nhiên tại các biên bản lấy khai ngày 09/4/2024 và ngày 25/7/2024 bà X thừa nhận còn thiếu ông S 22.000.000 đồng như ông S trình bày là đúng và bà cũng đồng ý trả cho ông S số tiền 22.000.000 đồng với điều kiện khi nào bà có tiền mua vật tư cho ông S sửa lại những chỗ cần sửa khi nào sửa xong thì bà trả tiền cho ông S. Xét việc bị đơn thừa nhận còn nợ ông S tiền thuê ông S cất nhà chưa trả của bà X đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Thấy rằng, việc ông S, bà X có thỏa thuận việc ông S xây nhà cho bà X với số tiền công là 70.000.000 đồng là có xảy ra trên thực tế. Sau khi xây nhà xong ông S đã bàn giao nhà cho bà X và bà X đã trả cho ông S 48.000.000 đồng, còn nợ lại 22.000.000 đồng đến nay bà X không trả việc này bà X cũng đã thừa nhận. Cho nên tại phiên tòa hôm nay ông S yêu cầu bà X có trách nhiệm trả cho ông số tiền 22.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 542, 544 Bộ luật dân sự quy định về trách nhiệm trả tiền dịch vụ nghĩ nên chấp nhận. Buộc bà Đào Thị X có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn S số tiền 22.000.000 đồng.

- Đối với việc bà X cho rằng khi nào bà có tiền mua vật tư cho ông S sửa chữa lại nhà cho bà thì bà mới đồng ý trả tiền cho ông S nhưng bà không tham gia phiên tòa, không có đơn yêu cầu phản tố đối với ông S, bà cũng không đưa ra thời gian để yêu cầu ông S thực hiện việc sửa chữa nhà vì vậy không có cơ sở để Hội đồng xét xử đặt ra xem xét. Cho nên, khi nào bà X có yêu cầu sửa chữa lại nhà thì bà và ông S thỏa thuận việc sửa chữa nhà. Trong trường hợp và bà X ông S không thỏa thuận được việc sửa chữa nhà nếu có phát sinh tranh chấp thì tách thành vụ án khác giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Tại tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến là phù hợp với nhận định của HĐXX, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Đào Thị X** chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.100.000 đồng (22.000.000 đồng x 5%) tiền án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông **Trần Văn S** được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 550.000 đồng biên lai thu số **0002533** ngày 31/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, **khoản 2 Điều 227**, Điều 228, **Điều 235**, **Điều 266**, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 542, 544 Bộ luật dân sự 2015.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn S** về việc yêu cầu bà **Đào Thị X** trả số tiền 22.000.000 đồng.

Buộc **Đào Thị X** có trách nhiệm trả cho ông **Trần Văn S** số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Đào Thị X** chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.100.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Ông **Trần Văn S** được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 550.000 đồng biên lai thu số **0002533** ngày 31/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh